TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 02/2019/DS-PT.
Ngày 15/01/2019.
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và phường họ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Hà.

Các thẩm phán: Ông Bạch Đăng Thi.

Bà Phạm Thị Minh Hiền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Dương Đình Hưng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang***: Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên, tham gia phiên tòa.

Ngày 15/01/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:108/2018/TLPT-DS ngày 04/12/2018 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2018/DS-ST ngày 04/9/2018 của Toà án nhân dân Huyện HH có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2018/QĐ-PT ngày 28/12/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Ng1, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số nhà 246, khu 4, Thị Trấn A1, Huyện HH, tỉnh Bắc Giang. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2.Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn Chớp, Xã A2, Huyện HH, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q1, Luật sư thuộc Công ty TNHH Fanci- Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Tiến S1, sinh năm 1963 (ủy quyền cho bà Ngô Thị Ng1, theo giấy ủy quyền đề ngày 26/6/2018) (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 246, khu 4, Thị Trấn A1, Huyện HH, tỉnh Bắc Giang.

3.2. Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn Chớp, Xã A2, Huyện HH, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

3.3. Chị Đào Thị V1, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khu 4, Thị Trấn A1, Huyện HH, tỉnh Bắc Giang, (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.4. Anh Hà Văn D1, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn Chớp, Xã A2, Huyện HH, tỉnh Bắc Giang, (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.5. Chị Trần Kiều Tr1, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn Chớp, Xã A2, Huyện HH, tỉnh Bắc Giang, (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.6. Chị Tạ Thị Hương Gi1, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn Dinh Hương, Xã A3, Huyện HH, tỉnh Bắc Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.7. Chị Trần Thị H2, sinh năm 1983; Địa chỉ: Xóm Ngã Tư, Xã A4, Huyện HH, tỉnh Bắc Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.8. Anh Nguyễn Tiến B1, sinh năm 1972; Địa chỉ: Khu 3, Thị Trấn A1, Huyện HH, tỉnh Bắc Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.9. Chị Nguyễn Thị Nh1, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn Tân Kết, Xã A3, Huyện HH, tỉnh Bắc Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.10. Ông Nguyễn Bá H3, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Thôn Đức Thịnh, Xã A3, Huyện HH, tỉnh Bắc Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.11. Chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn Dinh Hương, Xã A3, Huyện HH, tỉnh Bắc Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.12. Ông Dương Quang L1, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn Chớp, xã A2, Huyện HH, tỉnh Bắc Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.13. Chị Dương Thị M1, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn Phú Hòa, Xã A5, Huyện HH, tỉnh Bắc Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H1 - Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn là bà Ngô Thị Ng1 trình bày: Quan hệ giữa vợ chồng Bà Ng1, Ông S1 và vợ chồng bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn C1 là mối quan hệ hàng xóm quen biết nhau nên vợ chồng Bà Ng1, Ông S1 đã nhiều lần cho Bà H1, Ông C1 vay tiền và có chơi 02 bát họ, cụ thể là:

- Ngày 02/12/2017 Ông C1, Bà H1 vay 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng), lãi không ghi trong hợp đồng vay nhưng có thỏa thuận miệng về lãi, ngày 30/12/2017 Bà H1 đã thanh toán trả bà 02 tháng lãi, số tiền cụ thể là bao nhiêu bà không nhớ;

- Ngày 31/01/2018 Ông C1, Bà H1 vay 70.000.000đ (Bẩy mươi triệu đồng), lãi không ghi trong hợp đồng vay nhưng có thỏa thuận miệng về lãi;

- Ngày 27/3/2018 Ông C1, Bà H1 vay 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), lãi không ghi trong hợp đồng vay nhưng có thỏa thuận miệng về lãi;

Tổng cộng, số tiền mà Ông C1, Bà H1 vay của bà và nợ đến ngày 27/3/2018 là 410.000.000đ (Bốn trăm mười triệu đồng). Mục đích Ông C1, Bà H1 vay tiền là để kinh doanh và trang trải việc gia đình, lo việc ăn học cho Ông C1.

Về phường họ: Bà H1 tham gia 02 bát họ gồm: Bát họ thứ nhất bắt đầu chơi từ ngày 30/02/2017 (âm lịch) đến ngày 30/4/2018 có 15 suất, mỗi suất đóng 10 triệu đồng/1 tháng gồm những người tham gia: Bà Nguyễn Thị H1 01 suất; Bà Đào Thị V1 03 suất; ông Hà Văn D1 02 suất; bà Ngô Thị Ng1 03 suất; bà Trần Kiều Tr1 02 suất; bà Tạ Thị Hương Gi1 02 suất; bà Trần Thị H2 01 suất; ông Nguyễn Tiến B1 01 suất;

- Bát họ thứ hai bắt đầu chơi từ ngày 10/7/2017 (âm lịch) đến ngày 10/9/2018 có 15 suất, mỗi suất đóng 10 triệu đồng/1 tháng gồm những người tham gia: Bà Nguyễn Thị H1; bà Nguyễn Thị Nh1 02 suất; ông Hà Văn D1 02 suất; ông Nguyễn Bá H3 01 suất; bà Nguyễn Thị H4 02 suất; ông Dương Quang L1 03 suất; Bà Trần Thị H2 01 suất; bà Dương Thị M1 01 suất; bà Ngô Thị Ng1 02 suất.

Cả 02 bát họ nêu trên Bà H1 đều đã lấy tiền họ, cụ thể là ngày 30/02/2017 (âm lịch) tức ngày 27/3/2017 (dương lịch) Bà H1 nhận 150.000.000đ tiền họ và ngày 10/7/2017 (âm lịch) tức ngày 05/9/2017 (dương lịch) Bà H1 nhận 150.000.000đ tiền họ, tổng cộng là 300.000.000đ. Theo thỏa thuận về việc chơi họ, người nào chưa lấy tiền họ thì đóng 10 triệu đồng/1 tháng, người nào đã lấy tiền họ thì phải đóng 12 triệu đồng/1 tháng. Cả 02 bát họ ngày 27/3/2017 và ngày 05/9/2017 Bà H1 đều đã đóng họ hàng tháng và đến hết tháng 01/2018 (âm lịch), các tháng tiếp theo Bà H1 không đóng họ cho bà nữa nên bà mới có đơn khởi kiện đến Tòa án, cụ thể bát họ ngày 27/3/2017 Bà H1 còn nợ 03 tháng đóng họ = 36.000.000đ, bát họ ngày 05/9/2017 Bà H1 còn nợ 08 tháng đóng họ = 96.000.000đ.

Tổng số tiền Bà H1 đóng họ còn nợ 11 tháng là 132.000.000đ (Một trăm ba mươi hai triệu đồng), bao gồm 110.000.000đồng tiền gốc và 22.000.000đ tiền lãi.

Tổng cộng, Ông C1 và Bà H1 còn nợ của bà tiền 03 hợp đồng vay và tiền đóng họ còn nợ chưa đóng 11 tháng là 542.000.000đồng (Năm trăm bốn mươi hai triệu đồng).

Đến hạn trả nợ Ông C1, Bà H1 vay không thanh toán cho bà tiền gốc và lãi theo thỏa thuận nên Bà Ng1 làm đơn khởi kiện đến Tòa án để yêu cầu ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị H1 phải thực hiện trách nhiệm hoàn trả khoản nợ gốc là 542.000.000đồng (Năm trăm bốn mươi hai triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn (bà Nguyễn Thị H1) trình bày: Vào khoảng thời gian từ tháng 01/2017 bà có vay hộ anh Toản công tác tại Bệnh viện đa khoa Huyện HH với số tiền là 140.000.000đồng của bà Ngô Thị Ng1, hợp đồng vay là do Bà H1 đứng ra

ký kết, nhưng do anh Toản không thanh toán trả cho bà tiền lãi và gốc nên bà không có tiền để trả cho Bà Ng1, Ông S1. Đến ngày 23/3/2018 Bà Ng1 có xuống nhà bà công cả gốc và lãi thành 250.000.000đ và ép bà phải ký giấy nhận nợ vay mới, Bà Ng1 bắt bà phải đi đến Phòng công chứng để công chứng giấy vay.

Người thứ hai Bà H1 cũng vay hộ là vay hộ vợ chồng Anh Tr2 bán căng tin tại Bệnh viện đa khoa Huyện HH, bà vay hộ của Bà Ng1 với số tiền là 150.000.000đ vào khoảng tháng 4/2017, hợp đồng vay do bà là người vay của Bà Ng1, nhưng do vợ chồng Anh Tr2 cũng không thanh toán trả được gốc và lãi cho bà và hiện nay vợ chông Anh Tr2 đã bỏ đi không biết hiện nay đang ở đâu, bà có xin Bà Ng1 nhưng Bà Ng1 vẫn lấy lãi 7.500.000đ/tháng. Đến ngày 23/3/2018 Bà Ng1 gọi bà lên nhà Bà Ng1 yêu cầu bà viết 02 giấy vay nợ, 01 giấy nhận nợ 70.000.000đ và 01 giấy nhận nợ 90.000.000đ. Sau đó bà có xin Bà Ng1 cho bà trả dần gốc và xin hạ lãi thấp nhưng Bà Ng1 không nghe.

Bà H1 xác định số tiền bà nợ Bà Ng1 là bà vay từ năm 2017 chứ không phải mới vay, bà đã trả lãi quá nhiều lần rồi. Bà Ng1 dùng thủ đoạn bắt bà viết lại giấy vay nợ mới, bà không biết nên bà đã viết theo ý của Bà Ng1. Tuy nhiên bà không có chứng cứ cụ thể để chứng minh việc Bà Ng1 lấy lãi cao, ép buộc bà viết lại giấy vay nợ như đã nêu trên. Bà xác định bà đã ký nhận nợ nên bà chấp nhận, đề nghị Tòa án xem xét tạo điều kiện để bà được trả lãi thấp như ngân hàng và trả gốc dần hàng tháng. Các nội dung trong giấy biên nhận vay tiền về chữ viết tay đều là do bà tự tay viết theo yêu cầu của Bà Ng1. Bà vay tiền của Bà Ng1 là vay hộ anh Toản và Anh Tr2 như bà đã trình bày, không phải vay với mục đích nào khác nữa, việc bà ghi trong giấy vay nợ là vay tiền với mục đích kinh doanh là không đúng thực tế mà là bà ghi theo yêu cầu của Bà Ng1 nhưng bà không có căn cứ, chứng cứ cụ thể để chứng minh là bà viết theo yêu cầu của Bà Ng1. Đúng là hiện nay bà có kinh doanh bán hàng dược phẩm tại nhà nhằm phục vụ phát triển kinh tế gia đình và lấy tiền chi tiêu sinh hoạt cho gia đình hàng ngày nhưng bà vay tiền của Bà Ng1 không phải dùng vào việc kinh doanh dược phẩm mà là vay hộ cho anh Toản và Anh Tr2 như đã trình bày. Nay Bà Ng1 khởi kiện yêu cầu bà phải trả 410.000.000đ tiền gốc vay và lãi suất theo quy định của pháp luật bà nhất trí trả Bà Ng1 tiền gốc và xin được trả dần vì điều kiện kinh tế khó khăn và không đồng ý trả lãi vì đã trả lãi quá cao và trả Bà Ng1 quá nhiều tiền lãi rồi.

Còn về phần tiền phường họ bà xác định bà không nợ Bà Ng1 132.000.000đ tiền phường. Bà công nhận có tham gia chơi 02 bát họ là bát họ ngày 30/02/2017 (âm lịch) đến ngày 30/4/2018 và bát họ ngày 10/7/2017 (âm lịch) đến ngày 10/9/2018 và bà đã ký giấy nhận lấy tiền họ của hai bát họ này nhưng bà không được cầm tiền mà Bà Ng1 đã trừ vào tiền bà vay còn nợ tiền của Bà Ng1. Đối với bát họ ngày 30/02/2017 bà đã đóng họ cho Bà Ng1 xong toàn bộ nên xác định

không còn nợ tiền của bát họ này. Đối với bát họ ngày 10/7/2017 bà đã đóng hàng tháng tiền họ cho Bà Ng1, đến tháng 6/2018 do Bà Ng1 có đơn khởi kiện bà tại Tòa án nên bà dừng lại không đóng họ cho Bà Ng1 nữa nên xác định có nợ tiền của bát họ này khoảng 4 tháng là 48.000.000đ. Việc bà đóng họ hàng tháng cho Bà Ng1 thì khi Bà Ng1 nhận tiền đóng họ thì Bà Ng1 không ký nhận vào giấy tờ, sổ sách gì từ trước đến nay và bà cũng không yêu cầu Bà Ng1 ký giấy nhận tiền đóng họ của bà nên bà không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh việc bà đóng họ cho Bà Ng1, thực tế việc đóng họ cho Bà Ng1 đúng như những gì bà đã trình bày ở trên. Nay Bà Ng1 khởi kiện yêu cầu bà phải thanh toán trả 132.000.000đ tiền phường họ bà không nhất trí trả vì xác định đã đóng họ đầy đủ, chỉ nhất trí trả 4 tháng tiền họ bà chưa đóng cho Bà Ng1 sau khi Bà Ng1 có đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Nguyễn Tiến S1) trình bày: Nhất trí với ý kiến của Bà Ng1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Nguyễn Văn C1) trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1978 là quan hệ vợ chồng, việc vợ ông vay tiền của bà Ngô Thị Ng1 ở khu 4, Thị Trấn A1, Hiệp Hòa và chơi phường họ cùng Bà Ng1 còn nợ như thế nào ông không biết, mục đích vợ ông vay tiền để làm gì ông cũng không biết vì vợ ông không nói gì cho ông biết. Bản thân ông làm việc tại bệnh viện nên trong giờ hành chính thì ông làm trong bệnh viện, ngoài ra ông còn đi học, vợ ông mở cửa hàng dược bán thuốc tại nhà. Mọi việc trong nhà ông đều không thấy phát sinh việc gì như mua sắm tài sản hay có công việc gì lớn, nên ông cũng không có để ý gì. Chỉ đến khi Bà Ng1 đến nhà ông đòi tiền vợ ông thì ông mới biết, ông có hỏi Bà Ng1 vợ ông nợ bao nhiêu tiền thì Bà Ng1 nói là 70 triệu, ông lưỡng lự định trả thì Bà Ng1 lại đưa ra thêm tờ giấy vợ ông vay 90 triệu của Bà Ng1 nữa nên ông quyết định không trả Bà Ng1 nữa. Ông có hỏi Bà H1 thì vợ ông nói là vay hộ người khác, ông hỏi vay hộ ai thì vợ ông bảo vay hộ anh Trần Quang Tr2 và anh Phạm Văn T1 trước đây đều làm ở bệnh viện Hiệp Hòa, nay cả hai anh này đều đã không còn làm ở bệnh viện nữa, địa chỉ cụ thể của anh Toản và Anh Tr2 hiện nay ông không biết cụ thể, khi nào ông biết sẽ cung cấp cho Tòa án sau. Nay Bà Ng1 có đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Bà Ng1 132.000.000đồng tiền vợ ông chơi phường còn nợ Bà Ng1 và 410.000.000đ tiền vợ ông vay của Bà Ng1, tổng là 542.000.000đ (Năm trăm bốn mươi hai triệu đồng) ông không đồng ý và không có trách nhiệm trả nợ cùng vợ ông vì việc vay mượn và chơi phường của vợ ông như thế nào ông không được biết nên đó là việc riêng của vợ ông, không phải nợ chung của vợ chồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà Nguyễn Thị H4) trình bày: Bà có tham gia chơi phường với bà Ngô Thị Ng1 từ ngày 10/7/2017, do Bà Ng1 là

trưởng phường, bà tham gia chơi 2 suất, mỗi tháng bà đóng tiền phường cho Bà Ng1 là 20.000.000đồng. Bà đã lấy phường vào tháng 02 và tháng 3/2018. Hiện bà vẫn đóng đầy đủ tiền phường của dây họ này cho Bà Ng1. Phường này có bao nhiêu người chơi, tên tuổi và địa chỉ ở đâu bà không biết, bà chỉ biết là chơi phường và đóng tiền cho Bà Ng1, phường bà chơi có 15 suất chơi. Những lần bà đóng tiền phường và lấy phường thì Bà Ng1, Ông S1 (chồng Bà Ng1) đều ký nhận vào trong "giấy biên nhận tiền đóng họ" là chứng cứ để chứng minh bà đã đóng tiền phường và Bà Ng1, Ông S1 đã nhận tiền phường do bà đóng. Nay bà không yêu cầu gì về việc bà tham gia chơi phường với Bà Ng1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà Tạ Thị Hương Gi1) trình bày: Bà có tham gia chơi phường với bà Ngô Thị Ng1 từ ngày 30/02/2017, do Bà Ng1 là trưởng phường, bà tham gia chơi 2 suất, mỗi tháng bà đóng tiền phường cho Bà Ng1 là 20.000.000đ. Bà đã lấy phường vào tháng 7 và tháng 8/2017 mỗi suất là 138.000.000đ. Sau ngày bà lấy phường thì những tháng sau bà phải đóng cho Bà Ng1 24.000.000đ. Đến tháng 4/2018 bà đã chơi kết thúc phường này với Bà Ng1 nên không có liên quan gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về việc bà tham gia chơi phường với Bà Ng1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà Nguyễn Thị Nh1) trình bày: Bà có tham gia chơi phường với bà Ngô Thị Ng1 từ tháng 7/2017, do Bà Ng1 là trưởng phường, bà tham gia chơi 2 suất, mỗi tháng bà đóng tiền phường cho Bà Ng1 là 20.000.000đ. Bà đã lấy phường vào tháng 8 và tháng 9/2017. Hiện bà vẫn đóng đầy đủ tiền phường của dây họ này cho Bà Ng1. Phường này có bao nhiêu người chơi, tên tuổi và địa chỉ ở đâu bà không biết, bà chỉ biết là chơi phường và đóng tiền cho Bà Ng1, phường bà chơi có 15 suất chơi. Những lần bà đóng tiền phường và lấy phường thì Bà Ng1 đều ký nhận vào trong "giấy biên nhận tiền đóng họ" và Bà Ng1 nhận tiền của bà thì cũng đều có sổ sách giấy tờ ký nhận. Nay bà không yêu cầu gì về việc bà tham gia chơi phường với Bà Ng1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Nguyễn Bá H3) trình bày: Ông có tham gia chơi phường với bà Ngô Thị Ng1 từ tháng 7/2017, do Bà Ng1 là trưởng phường và tham gia chơi 2 suất, hàng tháng đều đóng tiền phường cho Bà Ng1 là 20.000.000đ. Phường này có bao nhiêu người chơi, tên tuổi và địa chỉ ở đâu ông không biết, chỉ biết là chơi phường và đóng tiền cho Bà Ng1 và có 15 suất chơi. Những lần ông đóng tiền phường và lấy phường thì Bà Ng1, Ông S1 (chồng Bà Ng1) đều ký nhận vào trong "giấy biên nhận tiền đóng họ" và Bà Ng1 nhận tiền của ông thì cũng đều có sổ sách, giấy tờ ký nhận. Ông đóng tiền phường đến tháng 5/2018. Hiện ông và Bà Ng1 vẫn chưa kết thúc dây phường họ này. Nay ông không yêu cầu gì về việc ông tham gia chơi phường với Bà Ng1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Dương Quang L1) trình bày: Ông có tham gia chơi phường với bà Ngô Thị Ng1 từ 10/7/2017, do Bà Ng1 là trưởng phường và tham gia chơi 03 suất của một dây phường 15 suất, hàng tháng đều đóng tiền phường cho Bà Ng1 là 30.000.000đ. Phường này có bao nhiêu người chơi, tên tuổi và địa chỉ ở đâu ông không biết, chỉ biết là chơi phường và đóng tiền cho Bà Ng1. Ông đã lấy tiền phường vào tháng 02, 3, 4/2018, hiện ông và Bà Ng1 vẫn chưa kết thúc dây phường này. Những lần ông đóng tiền phường và lấy phường thì Bà Ng1, Ông S1 (chồng Bà Ng1) đều ký nhận vào trong "giấy biên nhận tiền đóng họ" và Bà Ng1 nhận tiền của ông đầy đủ. Nay ông không yêu cầu gì về việc ông tham gia chơi phường với Bà Ng1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Hà Quang D2) trình bày: Ông có tham gia chơi phường với bà Ngô Thị Ng1, do Bà Ng1 là trưởng phường và tham gia chơi 2 suất của dây phường chơi từ 30/02/2017 đến ngày 30/4/2018 thì kết thúc. Ông Tiếp tục chơi 01 dây phường nữa với Bà Ng1 từ ngày 10/7/2017, ông cũng đã lấy tiền phường của dây này vào tháng 12/2017 và tháng 01/2018, hàng tháng đều đóng tiền phường cho Bà Ng1 là 20.000.000đ. Phường này có bao nhiêu người chơi, tên tuổi và địa chỉ ở đâu ông không biết, chỉ biết là chơi phường và đóng tiền cho Bà Ng1 và có 15 suất chơi. Những lần ông đóng tiền phường và lấy phường thì Bà Ng1, Ông S1 (chồng Bà Ng1) đều ký nhận vào trong "giấy biên nhận tiền đóng họ" để chứng minh việc ông đóng tiền phường. Hiện ông và Bà Ng1 vẫn chưa kết thúc dây phường họ này. Nay ông không yêu cầu gì về việc ông tham gia chơi phường với Bà Ng1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà Trần Kiều Tr1) trình bày: Bà có tham gia chơi phường với bà Ngô Thị Ng1 từ 30/02/2017, do Bà Ng1 là trưởng phường, bà tham gia chơi 2 suất của một dây phường, mỗi tháng bà đóng tiền phường cho Bà Ng1 là 20.000.000đ. Bà đã lấy phường vào tháng 10 và tháng 11/2017. Phường này có bao nhiêu người chơi, tên tuổi và địa chỉ ở đâu bà không biết, bà chỉ biết là chơi phường và đóng tiền cho Bà Ng1, phường bà chơi có 15 suất chơi. Những lần bà đóng tiền phường và lấy phường thì Bà Ng1 đều ký nhận vào trong "giấy biên nhận tiền đóng họ" là căn cứ chứng minh việc bà đã đóng tiền phương cho Bà Ng1. Nay bà không yêu cầu gì về việc bà tham gia chơi phường với Bà Ng1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà Trần Thị H2) trình bày: Bà có tham gia chơi phường với bà Ngô Thị Ng1 từ tháng 02/2017, do Bà Ng1 là trưởng phường, bà tham gia chơi 01 suất của một dây phường, mỗi tháng bà đóng tiền phường cho Bà Ng1 là 10.000.000đ. Bà đã lấy phường vào tháng 11/2017. Phường này có bao nhiêu người chơi, tên tuổi và địa chỉ ở đâu bà không biết, bà chỉ biết là chơi phường và đóng tiền cho Bà Ng1, phường bà chơi có 15 suất chơi. Những lần

bà đóng tiền phường và lấy phường thì Bà Ng1 đều ký nhận vào trong "giấy biên nhận tiền đóng họ" là căn cứ chứng minh việc bà đã đóng tiền phường cho Bà Ng1. Nay bà không yêu cầu gì về việc bà tham gia chơi phường với Bà Ng1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà Dương Thị M1) trình bày: Bà có tham gia chơi phường với bà Ngô Thị Ng1 từ tháng 7/2017, do Bà Ng1 là trưởng phường, bà tham gia chơi 01 suất của một dây phường, mỗi tháng bà đóng tiền phường cho Bà Ng1 là 10.000.000đ. Bà đã lấy phường vào tháng 11/2017. Phường này có bao nhiêu người chơi, tên tuổi và địa chỉ ở đâu bà không biết, bà chỉ biết là chơi phường và đóng tiền cho Bà Ng1, phường bà chơi có 15 suất chơi. Những lần bà đóng tiền phường và lấy phường thì Bà Ng1 đều ký nhận vào trong "giấy biên nhận tiền đóng họ" là căn cứ chứng minh việc bà đã đóng tiền phường cho Bà Ng1. Nay bà không yêu cầu gì về việc bà tham gia chơi phường với Bà Ng1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà Đào Thị V1) trình bày: Bà có tham gia chơi phường với bà Ngô Thị Ng1 từ 30/02/2017, do Bà Ng1 là trưởng phường, bà tham gia chơi 03 suất của một dây phường, mỗi tháng bà đóng tiền phường cho Bà Ng1 là 30.000.000đ. Bà đã lấy phường vào tháng 11/2017. Phường này có bao nhiêu người chơi, tên tuổi và địa chỉ ở đâu bà không biết, bà chỉ biết là chơi phường và đóng tiền cho Bà Ng1, phường bà chơi có 15 suất chơi. Những lần bà đóng tiền phường và lấy phường thì Bà Ng1 và Ông S1 (chồng Bà Ng1) đều ký nhận vào trong "giấy biên nhận tiền đóng họ" là căn cứ chứng minh việc bà đã đóng tiền phường cho Bà Ng1. Nay bà không yêu cầu gì về việc bà tham gia chơi phường với Bà Ng1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Nguyễn Tiến B1) trình bày: Ông có tham gia chơi phường với bà Ngô Thị Ng1, do Bà Ng1 là trưởng phường và tham gia chơi 02 suất của dây phường chơi từ tháng 02/2017 đến ngày 30/4/2018 thì kết thúc. Hàng tháng đều đóng tiền phường cho Bà Ng1 là 10.000.000đ. Phường này có bao nhiêu người chơi, tên tuổi và địa chỉ ở đâu ông không biết, chỉ biết là chơi phường và đóng tiền cho Bà Ng1 và có 15 suất chơi. Những lần ông đóng tiền phường và lấy phường thì Bà Ng1 đều ký nhận vào trong "giấy biên nhận tiền đóng họ" để chứng minh việc ông đóng tiền phường. Nay ông không yêu cầu gì về việc ông tham gia chơi phường với Bà Ng1.

Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2018/DS-ST ngày 04/9/2018 của Toà án nhân dân Hiệp Hòa đã quyết định:

Áp dụng các Điều 275; 288; 463, 466, 468, 470; 471; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 271; Điều 273; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Ng1.

Buộc bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Văn C1 phải có nghĩa vụ liên đới thanh thanh toán trả bà Ngô Thị Ng1 và ông Nguyễn Tiến S1 số tiền vay nợ gốc là

410.000.000đ (Bốn trăm mười triệu đồng) và 20.888.300đ (Hai mươi triệu tám trăm tám mươi tám nghìn ba trăm đồng) tiền lãi. Tổng cả gốc và lãi: 430.888.300đồng (Bốn trăm ba mươi triệu tám trăm tám mươi tám nghìn ba trăm đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Văn C1 phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả bà Ngô Thị Ng1 và ông Nguyễn Tiến S1 số tiền phường họ còn nợ là 130.207.000đ (Một trăm ba mươi triệu hai trăm linh bẩy nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 110.000.000đ, lãi là 20.207.000đ.

Tổng số tiền bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Văn C1 phải liên đới thanh thanh toán trả bà Ngô Thị Ng1 và ông Nguyễn Tiến S1 (gồm tiền vay gốc, lãi và tiền phường họ: gốc, lãi) là 561.095.300đ (Năm trăm sáu mươi mốt triệu không trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 13/9/2018, bà Nguyễn Thị H1 là bị đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Nội dung kháng cáo đề nghị tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại cho khách quan, công bằng. Nếu không hủy bản án sơ thẩm thì đề nghị Tòa án xử bà chỉ còn nợ Bà Ng1 số tiền còn lại là 160.000.000đồng. Riêng tiền Phường, Họ bà chỉ còn nợ tiền chưa đóng Họ cho Bà Ng1 là 48.000.000đồng. Tổng số tiền bà còn nợ Bà Ng1 là 208.000.000đồng.

Tại phiên Toà phúc thẩm, bà Ngô Thị Ng1 là nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời khai tại cấp sơ thẩm. Bà H1 là bị đơn không rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị H1 trình bày: bà giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà không đồng ý với bản án sơ thẩm về số tiền 250.000.000đồng, số tiền này là cộng dồn lãi mẹ, đẻ lãi con. Tòa cấp sơ thẩm tính lãi không chính xác mà phải tính lãi là 9%/năm. Bà không đồng ý với việc Tòa sơ thẩm buộc cả hai vợ chồng bà phải trả nợ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bà H1 trình bày: Việc Bà H1 vay của Bà Ng1 số tiền 90.000.000đồng và 70.000.000đồng là đúng sự thật. Số tiền 250.000.000đồng là lãi cộng dồn của 160.000.000đồng. Do Bà H1 không hiểu biết nên đã ký vay tại Phòng công chứng nên Bà H1 phải chịu trách nhiệm. Cấp sơ thẩm tính lãi số tiền vay chưa chính xác, tại thời điểm năm 2018 lãi suất của Ngân hàng chỉ có 9%/năm nên đề nghị Hội đồng xét xử xem lại lãi suất của 03 khoản vay. Về Phường, Họ chị Hoài đã lấy 02 bát họ nhưng giấy biên nhận tiền đóng họ là hoàn toàn do chữ ký của Bà Ng1, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Ng1 là chưa có căn cứ. Tổng Bà H1 chỉ nợ Bà Ng1 410.000.000đồng gốc và 17.775.000đồng tiền lãi, tổng số tiền vay là 427775.000đồng và

48.000.000đồng tiền phường, họ. Về trách nhiệm trả nợ đề nghị không buộc Ông C1 có nghĩa vụ trả nợ cùng Bà H1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Buộc Bà H1, Ông C1 phải liên đới trả cho Bà Ng1, Ông S1 số tiền 561.095.300đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: nguyên đơn là bà Ngô Thị Ng1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tiến S1, bà Đào Thị V1, bà Nguyễn Thị Nh1, bà Tạ Thị Hương Gi1, bà Nguyễn Thị H4, ông Nguyễn Bá H3, ông Hà Văn D1, bà Trần Kiều Tr1, ông Dương Quang L1, bà Trần Thị H2, ông Nguyễn Tiến B1, bà Dương Thị M1 có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn C1 vắng mặt không có lý do và không có kháng cáo. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1 với nội dung đề nghị: hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại cho khách quan, công bằng. Nếu không hủy bản án sơ thẩm thì đề nghị Tòa án xử bà chỉ còn nợ Bà Ng1 số tiền còn lại là 160.000.000đồng. Riêng tiền Phường, Họ bà chỉ còn nợ tiền chưa đóng Họ cho Bà Ng1 là 48.000.000đồng. Tổng số tiền bà còn nợ Bà Ng1 là 208.000.000đồng.

Lý do Bà H1 yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì cho rằng bản án đã vi phạm tố tụng không đưa người bà vay tiền hộ vào tham gia tố tụng. Tuy nhiên, căn cứ vào các giấy vay tiền ngày 02/12/2017, ngày 31/01/2018, ngày 27/3/2018 thì Bà H1 là người viết giấy vay tiền của Bà Ng1, Ông S1. Giấy biên nhận bà cho Anh Tr2, anh Toản vay tiền là trước thời điểm bà viết giấy vay tiền Bà Ng1. Nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định không có căn cứ xác định Bà H1 vay tiền của Bà Ng1 để cho Anh Tr2, anh Toản vay là có căn cứ.

[2.2]. Đối với kháng cáo của Bà H1 về việc Tòa sơ thẩm buộc chồng bà là ông Nguyễn Văn C1 có trách nhiệm trả nợ cùng bà là không đúng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà H1 và Ông C1 là vợ chồng hợp pháp, trong các giấy vay tiền Bà Ng1 đều ghi mục đích để kinh doanh, giữa Bà H1 và Ông C1 không có thỏa thuận về viêc kinh doanh chia tài sản riêng trong thời kỳ hôn nhân. Căn cứ Điều 288 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình thì Bà H1, Ông C1 phải

chịu trách nhiệm liên đới đối với việc thanh toán nợ gốc, lãi và tiền phường họ là có căn cứ.

[2.3]. Việc Bà H1 trình bày ký và viết giấy biên nhận vay nợ Bà Ng1 là do Bà Ng1 ép buộc nhưng bà không có chứng cứ nào để chứng minh nên không có căn cứ xác định việc vay nợ do bị ép buộc bà cho vay nặng lãi. Do đó, Toà sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Bà Ng1 buộc Bà H1 và Ông C1 phải trả cho Nghĩa số tiền gốc 410.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.4]. Đối với kháng cáo của Bà H1 về việc bà có ký giấy nhận họ nhưng không được cầm tiền họ, Hội đồng xét xử thấy: Chứng cứ thể hiện việc Bà H1 nhận tiền phường, họ của Bà Ng1 ở hai bát họ là 02 giấy biên nhận thỏa thuận chơi họ Bà H1 ký. Bà H1 không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc bà đóng họ cho Bà Ng1, do đó, việc Bà Ng1 yêu cầu Bà H1 phải trả số tiền Bà H1 chưa đóng họ 11 tháng của 02 bát họ là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, theo như thỏa thuận về việc đóng họ của các bên thì xác định số tiền Bà H1 nợ tiền đóng họ có 110.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi là 22.000.000đông. Theo quy định tại khoản 3 Điều 471 của Bộ luật dân sự quy định " Trường hợp việc tổ chức họ có lãi thì mức lãi suất phải tuân theo quy định của Bộ luật này". Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/1 năm của khoản tiền vay (1,67%/tháng). Số tiền gốc đóng họ Bà H1 còn nợ Bà Ng1 là 110.000.000đ x 1,67% x 1 tháng= 1.837.000đ, số tiền lãi của 11 tháng đóng họ là 20.207.000đ. Như vậy, số tiền Bà H1 còn nợ tiền phường họ của Bà Ng1 được xác định là 130.207.000đồng (Một trăm ba mươi triệu hai trăm linh bẩy nghìn đồng), cần buộc bà Nguyễn Thị H1 phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Bà Ng1 và Ông S1.

Bà H1 không đưa ra được các chứng cứ nào khác để chứng minh về việc bà đã đóng họ cho Bà Ng1 chỉ còn 48.000.000đồng nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà H1.

[2.5]. Về lãi suất của số tiền vay: Các bên có tranh chấp về lãi suất. Do vậy, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự và áp dụng mức lãi suất là 10%/năm như cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của Bà H1 không được chấp nhận nên Bà H1 phải chịu án phí án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xử:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 148; Điều 227; Điều 271; Điều 273Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 275; Điều 288; Điều 463; Điều 468; Điều 470; Điều 471; Điều 357 Bộ luật dân sự. Khoản 1 Điều 27 khoản 1 Điều 30; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Buộc bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Văn C1 phải có nghĩa vụ liên đới trả bà Ngô Thị Ng1 và ông Nguyễn Tiến S1 số tiền vay nợ gốc là 410.000.000đồng (Bốn trăm mười triệu đồng) và 20.888.300đồng (Hai mươi triệu tám trăm tám mươi tám nghìn ba trăm đồng) tiền lãi. Tổng cả gốc và lãi là: 430.888.300đồng (Bốn trăm ba mươi triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn, ba trăm đồng).

2. Buộc bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Văn C1 phải có nghĩa vụ liên đới trả bà Ngô Thị Ng1 và ông Nguyễn Tiến S1 số tiền phường họ còn nợ là 130.207.000đ (Một trăm ba mươi triệu hai trăm linh bẩy nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 110.000.000đồng, lãi là 20.207.000đồng.

Tổng số tiền bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Văn C1 phải liên đới trả bà Ngô Thị Ng1 và ông Nguyễn Tiến S1 (gồm tiền vay gốc, lãi và tiền phường họ: gốc, lãi) là 561.095.300đ (Năm trăm sáu mươi mốt triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn, ba trăm đồng).

3. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

4. Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Văn C1 phải chịu 26.443.800đ (Hai mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi ba nghìn, tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

- Buộc bà Ngô Thị Ng1 phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.550.000đồng theo biên lai số AA/2017/0001500 ngày 15/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện HH. Hoàn trả bà Ngô Thị Ng1 số tiền 13.250.000đồng (Mười ba triệu hai trăm lăm mươi nghìn đồng).

- Án phí phúc thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0001111 ngày 13/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự Huyện HH.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Huyện HH;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS Huyện HH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký)*

Trần Thị Hà